TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST.
Ngày: 16/4/2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lưu Đức Chung.

+ Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 532/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị C, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Kim T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ W, ấp C, xã S, huyện L, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Số A, tổ B, khu V, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền trong giai đoạn xét xử: Ông Thân Trung Đ, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số C, ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025).

(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2024 và các ý kiến tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn bà Lưu Thị C trình bày: Ngày 11/7/2022, bà có cho bà Đoàn Thị

Kim T vay số tiền 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, chỉ thỏa thuận bằng miệng không ghi thành văn bản. Lãi suất được T toán vào ngày 11 hàng tháng. Đến ngày 11/7/2023, giữa bà và bà T mới lập giấy vay tiền, số tiền vay là 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng, chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 11/7/2023 bên người vay chính là của bà T là người ký. Trong thời gian vay, bà T đã T toán cho bà được 17 tháng tiền lãi (từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/12/2023) số tiền là 170.000.000 đồng. Từ đó đến nay, bà T không T toán tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết. Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải T toán cho bà tổng số tiền là 730.300.000 (Bảy trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc 670.000.000 đồng; nợ lãi 60.300.000 đồng (tính từ ngày 11/01/2024 đến ngày 11/6/2024, lãi suất 1,5%/tháng).

+ Bị đơn bà Đoàn Thị Kim T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Thân Trung Đ có đơn đề nghị vắng mặt và có bản trình bày ý kiến ngày 12/4/2025 như sau: Bà T khẳng định chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 11/7/2023, bên người vay là của bà T ký, phần tính lãi yêu cầu giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn bà Đoàn Thị Kim T không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lưu Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T phải T toán cho bà C tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 730.300.000 (Bảy trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn) đồng. Trong đó: Nợ gốc 670.000.000 đồng; nợ lãi 60.300.000 đồng (tính từ ngày 11/01/2024 đến ngày 11/6/2024, lãi suất 1,5%/tháng) là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị C. Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải T toán cho bà C tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi là 730.300.000 (Bảy trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Đoàn Thị Kim T để tham gia phiên tòa nhưng bà T không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đại có đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lưu Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T phải T toán số tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đoàn Thị Kim T đăng ký thường trú tại xã Bình Sơn, huyện L, tỉnh Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đoàn Thị Kim T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà T không đến Tòa cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4.1] Về yêu cầu trả nợ gốc: Bà Lưu Thị C yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T phải T toán số tiền nợ gốc 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng.

Tại Giấy vay tiền ngày 11/7/2023, các bên đương sự đã ký và ghi rõ họ và tên, có người làm chứng bà Lê Thụy T P. Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng. Bà T thừa nhận chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 11/7/2023, đúng là của bà.

Tại (BL: 34, 37) ý kiến trình bày của bà C về số tiền bà T đã vay là 670.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, tiền lãi suất được T toán vào ngày 11 hàng tháng. Đến nay, nợ gốc bà T chưa T toán cho bà C.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì, đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận thời hạn trả nợ và có lãi suất.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015

"*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.*

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc..."

Xét, Giấy vay tiền ngày 11/7/2023. Do, các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau. Việc bà T không T toán tiền nợ gốc cho bà C đúng thời hạn là đã vi phạm hợp đồng, đã gây thiệt hại cho bà C. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu

bà T phải T toán số tiền nợ gốc 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu trã lãi suất: Bà Lưu Thị C yêu cầu bà Đoàn Thị Kim T phải T toán cho bà tiền nợ lãi tính từ ngày 11/01/2024 đến ngày 11/6/2024, lãi suất 1,5%/tháng, số tiền là 60.300.000 đồng.

Trong thời hạn vay, bà C tính lãi suất với bà T với mức lãi suất 1,5%/tháng, bà T cũng đã T toán cho bà C được 17 tháng lãi (tính từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/12/2023) số tiền là 170.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay tiền ngày 11/7/2023, các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không ghi rõ mức lãi suất nhưng nguyên đơn đã tính với bị đơn mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn như nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C. Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải có trách nhiệm T toán cho bà Lưu Thị C tổng số tiền là 730.300.000 (Bảy trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc 670.000.000 đồng; tiền nợ lãi 60.300.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Án phí: Do, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.606.000 đồng, theo biên lai số 0016321 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 266; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C đối với bà Đoàn Thị Kim T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Đoàn Thị Kim T phải có trách nhiệm T toán cho bà Lưu Thị C tổng số tiền là 730.300.000 (Bảy trăm ba mươi triệu ba trăm nghìn) đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc 670.000.000 đồng; tiền nợ lãi 60.300.000 đồng.

2- Về án phí: Đoàn Thị Kim T phải chịu 33.212.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lưu Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.606.000 đồng, theo biên lai số 0016321 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu.

Nguyễn Tấn Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Đức Chung **Lê Thị Ánh Sáng** **Nguyễn Tấn Cảnh**